

TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG
VICEM SÔNG THAO

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1631 / XMST-KHCL

Về việc mời tham gia báo giá phần việc: Tư vấn khảo sát hiện trạng tỷ lệ 1/500 và khái toán chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư Dự án: Mở rộng mỏ đá vôi Ninh Dân

Phú Thọ, ngày 21 tháng 10 năm 2023

Kính gửi:

Công ty Cổ phần xi măng Vicem Sông Thao có nhu cầu thực hiện phần việc: Tư vấn khảo sát hiện trạng tỷ lệ 1/500 và khái toán chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư Dự án: Mở rộng mỏ đá vôi Ninh Dân.

Được biết quý Công ty đã là đơn vị đủ năng lực, tư cách pháp nhân để thực hiện phần việc.

Vậy Công ty Cổ phần xi măng Vicem Sông Thao mời quý Công ty tham gia thực hiện phần việc nêu trên với quy mô chủ yếu như sau:

- **Tên dự án:** Mở rộng mỏ đá vôi Ninh Dân.

- **Chủ đầu tư:** Công ty Cổ phần xi măng Vicem Sông Thao.

- **Quy mô:**

+ Vị trí: Khu 4 - khu 5 xã Ninh Dân, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ.

+ Diện tích:

- *Diện tích khu vực khảo sát tỷ lệ 1/500: 43,80 ha (phạm vi rộng ra 20m so với hành lang an toàn khai thác).*

- *Diện tích kiểm kê, khái toán chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư: 38,41 ha.*

- *Chủ đầu tư sẽ cung cấp báo cáo công tác trắc địa tỷ lệ 1/2000 (31,3ha) trong khu vực khảo sát và các mốc giải tích ngoài thực địa.*

(Chi tiết kèm theo bản vẽ mặt bằng vị trí khi thực hiện khảo sát)

Nếu quý Công ty đồng ý tham gia, đề nghị gửi báo giá trước ngày 10/11/2023, Công ty Cổ phần xi măng Sông Thao sẽ tạo điều kiện cho đơn vị thực hiện khảo sát hiện trường trong thời gian thực hiện lập báo giá.

Rất mong nhận được sự quan tâm, hợp tác của quý Công ty.

Trân trọng cảm ơn!

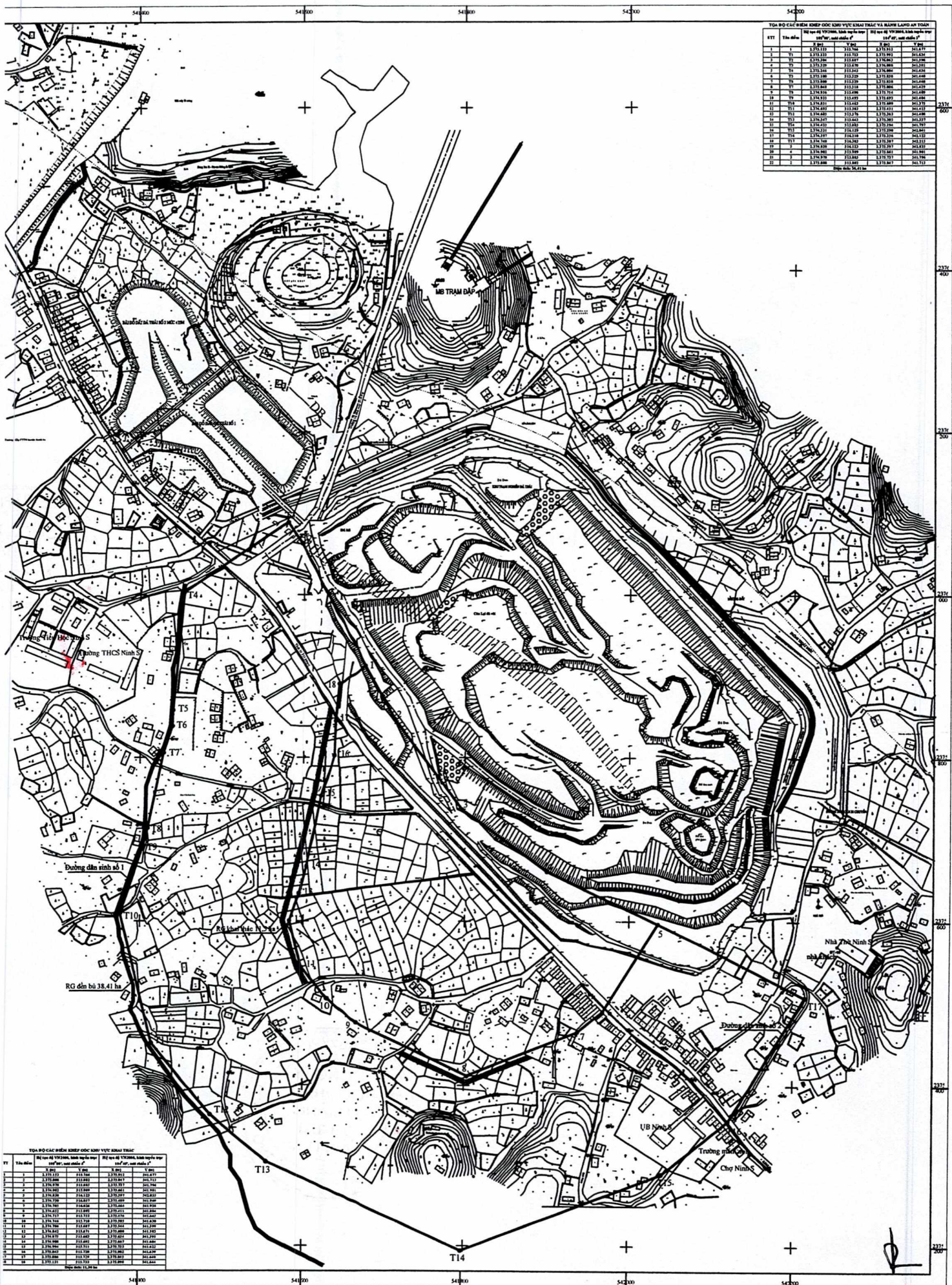
Nơi nhận:

- Như trên;
- BGĐ (b/c);
- KHCL;
- Lưu VT.

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Anh Tuấn



TỌA ĐỘ CÁC ĐIỂM KHÉP GÓC KHU VỰC KHAI THÁC VÀ HÀNH LANG AN TOÀN

STT	Tên điểm	Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105°00', múi chiếu 6°		Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 104°45', múi chiếu 3°	
		X (m)	Y (m)	X (m)	Y (m)
1	1	2.375.153	515.766	2.375.912	541.677
2	T1	2.375.233	515.723	2.375.992	541.634
3	T2	2.375.304	515.687	2.376.063	541.598
4	T3	2.375.329	515.670	2.376.088	541.581
5	T4	2.375.246	515.543	2.376.004	541.454
6	T5	2.375.100	515.529	2.375.858	541.440
7	T6	2.375.080	515.529	2.375.838	541.440
8	T7	2.375.048	515.518	2.375.806	541.429
9	T8	2.374.956	515.498	2.375.714	541.409
10	T9	2.374.935	515.493	2.375.693	541.404
11	T10	2.374.851	515.463	2.375.609	541.375
12	T11	2.374.693	515.503	2.375.451	541.415
13	T12	2.374.605	515.576	2.375.363	541.488
14	T13	2.374.547	515.645	2.375.305	541.557
15	T14	2.374.435	515.885	2.375.194	541.797
16	T15	2.374.531	516.129	2.375.290	542.041
17	T16	2.374.597	516.210	2.375.356	542.122
18	T17	2.374.748	516.303	2.375.507	542.215
19	5	2.374.838	516.123	2.375.597	542.035
20	4	2.374.902	515.989	2.375.661	541.901
21	3	2.374.978	515.885	2.375.737	541.796
22	2	2.375.088	515.802	2.375.847	541.713
Diện tích: 38,41 ha					

TỌA ĐỘ CÁC ĐIỂM KHÉP GÓC KHU VỰC KHAI THÁC

STT	Tên điểm	Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105°00', múi chiếu 6°		Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 104°45', múi chiếu 3°	
		X (m)	Y (m)	X (m)	Y (m)
1	1	2.375.153	515.766	2.375.912	541.677
2	2	2.375.088	515.802	2.375.847	541.713
3	3	2.374.978	515.885	2.375.737	541.796
4	4	2.374.902	515.989	2.375.661	541.901
5	5	2.374.838	516.123	2.375.597	542.035
6	6	2.374.730	516.057	2.375.489	541.969
7	7	2.374.705	516.026	2.375.464	541.938
8	8	2.374.652	515.892	2.375.411	541.804
9	9	2.374.717	515.753	2.375.476	541.665
10	10	2.374.746	515.718	2.375.505	541.630
11	11	2.374.786	515.687	2.375.544	541.599
12	12	2.374.842	515.671	2.375.600	541.583
13	13	2.374.875	515.683	2.375.634	541.595
14	14	2.374.908	515.692	2.375.667	541.604
15	15	2.374.994	515.711	2.375.753	541.622
16	16	2.375.043	515.728	2.375.802	541.639
17	17	2.375.086	515.729	2.375.845	541.640
18	18	2.375.131	515.733	2.375.890	541.644
Diện tích: 11,50 ha					



[Handwritten signature]